

Bản án số: 52/2020/DS-PT

Ngày 24 - 6 - 2020

V/v: "*Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước  
qua bất động sản liền kề*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quyết

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Xuân Thọ

2. Ông Nguyễn Hải Vinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174A/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2020/QĐXXPT-DS ngày ; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 02A/TB-TA ngày 10/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số /2020/QĐPT-DS ngày tháng năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2020/QĐ-PT ngày 15/5/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 33/TB-TA ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

*Đồng nguyên đơn:*

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đường:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949 – Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2015 (có mặt).

2. Anh Giáp Văn M, sinh năm 1970 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

4. Anh Tăng Văn N, sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Ông Tăng Văn C, sinh năm 1956 (có mặt)

6. Ông Tăng Văn T, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ngõ X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Ngõ X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Bá N - Luật sư thuộc Công ty Luật số 1 Bắc Giang, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)  
Cùng trú tại: Ngõ X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
5. UBND Huyện T, tỉnh Bắc Giang  
*Người đại diện theo ủy quyền của UBND Huyện T:* Bà Phòng Thị N – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện T - Văn bản ủy quyền số 760/UBND-NC ngày 22/5/2019 của Chủ tịch UBND Huyện T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
6. UBND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
*Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Bắc Giang:* Ông Nguyễn Thanh T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Bắc Giang - Văn bản ủy quyền số 410/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
7. Anh Tăng Văn T, sinh năm 1986  
*Người đại diện theo ủy quyền của anh Tăng Văn T:* Ông Tăng Văn T, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang – Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019 (có mặt)
8. UBND xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang  
*Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Y:* Bà Lương Thị Chinh - cán bộ địa chính xã – Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019 của Chủ tịch UBND xã Y (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
9. Bà Tăng Thị H, sinh năm 1962 (có đơn đề nghị vắng mặt)  
Địa chỉ: Ngõ A, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
10. Chị Trần Thị N, sinh năm 1982 và anh Tăng Văn Đoán, sinh năm 1978 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Ngõ A, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.  
*Người làm chứng:*
1. Ông Phạm Văn M - Trưởng Thôn B (vắng mặt)  
Địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
2. Ông Trần Thanh H - nguyên cán bộ địa chính xã Y  
Địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Khắc Đ - nguyên trưởng Thôn B  
Địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Tiến M - nguyên trưởng Thôn B  
Địa chỉ: Thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, các đồng nguyên đơn trình bày:*

\* Yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Q phải dành lối thoát nước chung cho ngõ với chiều dài khoảng 30m, chiều rộng là 30cm, tổng diện tích là khoảng 09m<sup>2</sup>. Điểm bắt đầu của rãnh thoát nước là cổng nhà ông Q (nhìn

ra ngõ A) chạy dọc hết phần đất nhà ông Q giáp phần giáp ranh giữa thửa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên anh Tăng Văn T và điểm cuối là ao của bà Tăng Thị H.

\* Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng rãnh thoát nước:

Ngõ A từ tiền cổ là ngõ đất, rộng khoảng 02m và thấp hơn so với mặt đê là 1,2m, chiều dài khoảng 60m đến 70m.

Rãnh thoát nước mà các ông khởi kiện là rãnh thoát nước chung của cả ngõ có từ trước năm 1945 do ông cha của các ông và Cụ Nguyễn Văn K (bố đẻ của ông Q) làm nên để thoát nước chung của cả ngõ. Rãnh thoát nước này chạy dọc theo ngõ, có chiều rộng khoảng 30cm, kéo dài khoảng 50m thì rãnh chảy ngoặt qua bên trái ngõ sau đó chạy dài khoảng 20m nữa thì chảy thẳng xuống ao của nhà Cụ K. Năm 1962, các hộ dân tham gia hợp tác xã nên ao, ruộng, trâu bò của tất cả các hộ dân đều sáp nhập vào hợp tác xã trong đó có ao của nhà Cụ K. Năm 1968, Thôn B bị vỡ đê nên các hộ dân trong ngõ thống nhất tự đóng góp để tân bề mặt ngõ lên cao để tránh ngập. Thời gian này các ông vẫn chở thuyền đi lại trong xóm, đi qua ao của nhà Cụ K (khi đó đã chuyển thành ao hợp tác xã) để đi ra đồng cày cấy. Từ năm 1985 đến năm 1987, nhà Cụ K xây lò làm gạch, Cụ K không muốn để nước thải của ngõ chảy qua lò gạch của nhà mình nên đã thay đổi đường chảy của rãnh nước đi qua lò gạch rồi mới xuống ao của hợp tác xã. Năm 2013, ông T xây tường bao quanh diện tích đất của nhà Cụ K (ông T là con trai Cụ K) tuy nhiên vẫn chừa lại một phần đất để ngõ làm đường thoát nước. Sau đó ông Q đã tự ý chặn phần đầu cuối của rãnh thoát nước chung của ngõ. Hiện nay các hộ dân trong ngõ A không có lối thoát nước thải vì ông Q không cho làm đường nước chảy qua đồng thời diện tích ao sau nhà ông Q đã bị ông Q san đất lấp thành vườn.

- Sự xác nhận của đại diện chính quyền và người dân sinh sống tại địa phương: Việc các đồng nguyên đơn trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng rãnh thoát nước tại ngõ A được đại diện chính quyền và bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ của ông Nguyễn Ngọc Q xác nhận tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/8/2015 (bút lục số 115).

- Thực trạng thoát nước thải tại Thôn B: Thôn B có tổng số 08 ngõ đều nằm ở vị trí tự nhiên giống như ngõ A (đầu ngõ là mặt đê bao, cuối ngõ là ao). Hiện nay 07 ngõ còn lại vẫn tồn tại ngõ đi chung và rãnh thoát nước thải chung bên cạnh ngõ kéo dài từ đầu ngõ đến ao ở vị trí cuối ngõ.

- Tại ngõ A hiện nay rãnh thoát nước chung của ngõ là nơi phục vụ nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa. Ngõ A hiện nay có 06 hộ dân sinh sống và thoát nước qua hệ thống rãnh thoát nước chung gồm:

+ Gia đình ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có 06 nhân khẩu;

+ Gia đình ông Tăng Văn T có 08 nhân khẩu;

+ Gia đình ông Tăng Văn C có 06 nhân khẩu;

+ Gia đình anh Tăng Văn N có 05 nhân khẩu;

+ Gia đình anh Giáp Văn M có 04 nhân khẩu;

+ Gia đình anh Quang (đầu ngõ) có 04 nhân khẩu.

Tổng cộng ngõ A có 33 nhân khẩu đang sinh sống.

*Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn – ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

\* Quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, không đồng ý cho rãnh thoát nước của ngõ chảy qua đất nhà ông. Các đồng nguyên đơn muốn thoát nước thải thì làm đường thoát ngược lên đê. Diện tích ao liền kề với đất ở của gia đình ông hiện tại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có nguồn gốc là do ông đòi ruộng cho thôn mà có.

\* Căn cứ chứng minh:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 do UBND Huyện T cấp đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn B, xã Y, Huyện T (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Q.

- Quá trình sinh sống tại ngõ A: Năm 1978, thực hiện Nghị quyết 231, ông và gia đình chuyển từ đất nhà ông Thi L về đất của tổ tiên tại Xóm C, Thôn B, xã Y, Huyện T (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang sinh sống. Ông khẳng định từ đó đến nay ở Xóm C có sự tồn tại của ngõ đi chung, dài khoảng 65 - 70m kéo dài từ mặt đê đến cổng nhà ông, bên cạnh ngõ có một rãnh thoát nước chạy dọc đến cổng nhà ông và đổ xuống phần đất vườn trũng của nhà Cụ K (bố đẻ ông) sau này được Cụ K cho ông T. Từ xa xưa đến nay, trong ngõ A không có đường ngõ nào cũng như đường rãnh thoát nước nào đi từ đê ra ruộng của thôn và cũng không có rãnh thoát nước nào chảy qua đất nhà ông, ông không tranh chấp với ai. Năm 1982, ông và ông Nguyễn Văn T (là em trai ông) ở tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 12 cạnh đất nhà ông có xây lò gạch chung ở vị trí ngay đầu tường của nhà ông. Thời điểm đó rãnh thoát nước của ngõ vẫn chảy xuống đất vườn nhà ông T. Năm 2011, ông Nguyễn Văn T xây tường bao quanh thửa đất 98 làm lấp dòng chảy mà trước đây bố ông là Cụ Nguyễn Văn K đã để cho hàng xóm chảy nhờ từ năm 1968. Năm 2014, ông T và một số hộ dân khác trong ngõ khởi kiện ông.

Trước khi các đồng nguyên đơn khởi kiện ông ra Tòa án, thôn và xã đã nhiều lần gọi các bên lên hoà giải. Ông đã từng yêu cầu các hộ dân trong ngõ làm văn bản cho nước chảy nhờ qua đất nhà ông thì ông đồng ý cho chảy nhờ nhưng các hộ dân không nghe.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L trình bày:*

\* Quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện: Gia đình không đồng ý cho các hộ dân làm lối thoát nước qua đất của gia đình và cũng không đồng ý bán đất cho các hộ dân làm rãnh thoát nước.

\* Căn cứ chứng minh:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 do UBND Huyện T cấp đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn B, xã Y, Huyện T (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc Q.

- Quá trình sinh sống tại ngõ A: Từ khi bà và gia đình chuyển về ngõ A sinh sống theo Chỉ thị 231 năm 1978 đến nay đều không có rãnh thoát nước nào chảy qua đất của gia đình.

*Tại bản tự khai ngày 01/11/2017 quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tăng Văn T trình bày:*

Năm 2015, ông Tăng Văn T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T thửa đất số 98 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Ngõ X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau đó ông T đã làm thủ tục sang tên bìa đồ và để anh Tuấn tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của hai thửa đất này. Anh Tuấn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn khác về việc buộc ông Nguyễn Ngọc Q dành phần diện tích đất làm lối thoát nước chung của ngõ. Ngoài ra anh Tuấn không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Huyện T có văn bản thể hiện quan điểm như sau:*

Năm 2010, khi xã Y sáp nhập về thành phố Bắc Giang, UBND Huyện T đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng (nay là Chi nhánh Văn phòng) đăng ký đất đai Huyện T bàn giao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến lĩnh vực đất đai tại xã Y cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Giang. Ngày 29/12/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện T bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến lĩnh vực đất đai tại xã Y cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Giang có lập biên bản bàn giao. Tuy nhiên do quá trình lưu trữ đã lâu, cán bộ được phân công thực hiện việc lưu trữ đã luân chuyển công tác nhiều lần nên hiện nay biên bản bàn giao này đã bị thất lạc. Đến nay hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện T, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện T không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Ngọc Q tại thửa số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn B, xã Y, Huyện T (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang nên không có cơ sở để thể hiện quan điểm cụ thể về vụ việc cũng như không có hồ sơ để cung cấp.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Giang có văn bản thể hiện quan điểm như sau:* Ngày 21/7/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã làm việc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Giang để thu thập hồ sơ, thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Ngọc Q. Tại buổi làm việc, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Giang cho biết: Do thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 là thời điểm xã Y thuộc địa giới hành chính Huyện T. Sau khi sáp nhập về thành phố Bắc Giang, năm 2011 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã Y được bàn giao về Văn phòng đăng ký đất đai thành phố (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố) lưu trữ. Tuy nhiên, sau khi tra cứu, toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Y hiện không được lưu trữ tại đơn vị nên không có cơ sở để thể hiện quan điểm cụ thể về vụ việc, không có hồ sơ để cung cấp.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã Y có văn bản thể hiện quan điểm như sau:*

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2001: Thửa đất này trước đây do thôn cho các hộ ông Tăng Văn Đ (vợ là Trần Thị N) và hộ ông Tăng Văn H đấu thầu nộp sản hàng năm. Đến năm 2004, để lấy tiền xây dựng công trình phúc lợi của thôn, thôn đã bán thửa đất nêu trên cho hộ ông Tăng Văn Đ và hộ bà Tăng Thị H (chị gái ông H) theo Biên bản bàn giao ao ngày 25/9/2004.

Về việc thoát nước thải: Nước thải của các hộ gia đình tại Ngõ A gồm 09 hộ hiện nay vẫn chảy xuống thửa đất số 59 để thoát ra từ trước đến nay. Hiện nay các hộ dân ở ngõ A gồm: hộ ông Đ, ông M, ông C, ông N, ông T do nước thải không có chỗ thoát nên cũng chảy xuống thửa đất số 59. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

*Theo Biên bản làm việc ngày 01/12/2017, Đơn kiến nghị không đề ngày nộp tại Tòa án ngày 08/01/2018, Biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2018 và các lời khai tiếp theo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Tăng Thị H trình bày:*

Gia đình bà được quản lý, sử dụng diện tích ao 637 m<sup>2</sup> tại thửa số 59, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ: thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang thông qua việc mua bán ao với thôn năm 2004. Thời hạn mua bán diện tích ao trên là lâu dài. Trước khi mua bán ao có cuộc họp dân của thôn tổ chức, trong cuộc họp dân chính quyền thôn thông báo chính sách bán ao mục đích là để lấy tiền xây dựng nhà trẻ của thôn. Chính sách của thôn là ưu tiên các hộ có đất liền kề ao nào thì được ưu tiên mua diện tích ao đó. Giá mua bán thôn quy định chung là 5.000.000 đồng/1 sào. Gia đình bà khi đó có em gái bà là Tăng Thị H, bà (Tăng Thị H), em trai bà là Tăng Văn Đ, em dâu bà là Trần Thị N và mẹ bà là Tăng Thị T. Thời gian đầu khi mới mua ao thì ba chị em cùng chung để thả cá. Đến khoảng năm 2006 thì bà H đi làm xa và không còn sử dụng diện tích ao này nữa. Đến năm 2008 bà cũng đi làm ăn xa nên diện tích ao này chỉ còn vợ chồng anh Tăng Văn Đ và chị Trần Thị N quản lý sử dụng.

Lịch sử từ trước đến nay thì Thôn B có 7 ngõ, các ngõ đều có hệ thống thoát nước thải về ao ở cuối ngõ. Ngõ nhà bà cũng thoát nước thải xuống ao từ đó đến nay. Sau khi gia đình bà mua diện tích ao nói trên thì nước thải của ngõ vẫn thoát xuống ao này bình thường. Sau khi nước thải chảy xuống ao ở cuối ngõ khi trời mưa to chảy ra ruộng rồi chảy ra mương của thôn, nếu trời không mưa to thì nước thải vẫn đọng ở ao. Hiện nay diện tích ao của gia đình bà đang bị ô nhiễm nặng do nước và chất thải của các hộ dân trong Ngõ A xả trực tiếp xuống ao. Bản thân bà đang phải điều trị bệnh ung thư có một phần nguyên nhân từ sự ô nhiễm này. Thời gian đầu khi làm việc với Tòa án, bà không đồng ý cho các hộ dân ở ngõ A thoát nước thải xuống ao của gia đình mà cho rằng nếu họ muốn thoát nước thải thì phải thoát ra hệ thống ao đằng sau nhà ông Q. Tuy nhiên do hiện nay diện tích ao đằng sau nhà ông Q đã bị ông Q tự ý san lấp đất làm vườn nên vì tình làng, nghĩa xóm bà đồng ý cho các hộ dân ngõ A thoát nước thải xuống diện tích ao của gia đình với điều kiện việc xả thải phải thông qua hệ thống cống, rãnh kín; đảm bảo vệ sinh môi trường, không xả thải trực tiếp xuống ao của gia đình bà.

*Theo Đơn kiến nghị không đề ngày nộp tại Tòa án ngày 08/01/2018 và Đơn xin trình bày không đề ngày nộp tại Tòa án ngày 04/6/2018 và lời khai tiếp theo tại Tòa án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Trần Thị N trình bày:*

Diện tích ao tại thửa số 59, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn B, xã Y, thành phố Bắc Giang vợ chồng chị mua lâu dài từ năm 2004 và có xác nhận của UBND xã Y. Hiện nay vợ chồng chị và bà Tăng Thị H (chị gái của chồng chị) đang quản lý, sử dụng diện tích ao trên. Tuy nhiên, mấy năm nay diện tích ao của gia đình chị bị ô nhiễm nặng do việc người dân trong ngõ xả thải xuống, bản thân bà H cũng đang phải điều trị bệnh ung thư vì sự ô nhiễm này. Thời gian đầu chị không đồng ý cho các hộ dân của ngõ A thoát nước thải xuống ao của gia đình tuy nhiên

nay vì tình cảm hàng xóm, chỉ đồng ý cho nước thải của ngõ A chảy xuống ao với điều kiện phải làm công, rãnh, không đổ trực tiếp xuống ao.

*Theo Biên bản xác minh ngày 05/5/2015, người làm chứng - ông Trần Thanh H, nguyên cán bộ địa chính xã Y cung cấp:*

Năm 2001 xã Y mới được đo đạc bản đồ địa chính. Sau khi lập xong bản đồ, UBND Huyện T đã chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Các hộ dân ở ngõ A (đang có đơn khởi kiện tại Tòa án) cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đo đạc tại bản đồ địa chính năm 2001. Từ trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, các hộ dân này vẫn có một ngõ đi chung và bên cạnh ngõ đi có một rãnh thoát nước chung cho các hộ. Chiều dài của ngõ khoảng 200m được nối từ mặt đê bao đến cổng nhà ông Q.

Năm 2001, hộ gia đình ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 99, tờ bản đồ số 12 với diện tích 498,1 m<sup>2</sup>. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cả trong quá trình hộ gia đình ông Q kê khai, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các hộ trên không ai có ý kiến hay khiếu nại gì.

Từ năm 2011 trở về trước thì nước thải của các hộ trên vẫn chảy qua đất của gia đình ông Q. Từ năm 2011 đến nay gia đình ông Q xây tường bao xung quanh đất dẫn đến nước thải của các hộ trong ngõ không có chỗ thoát và xảy ra tranh chấp.

*Theo Biên bản làm việc ngày 02/6/2015, Biên bản làm việc ngày 06/10/2017; người làm chứng - ông Phạm Văn M, chức vụ: Trưởng Thôn B, xã Y, thành phố Bắc Giang cung cấp:*

Trước năm 1980, ở ngõ A vẫn có một lỗng để đi ra ruộng, trước khi ra ruộng có qua ao của nhà Cụ Nguyễn Văn K (bố đẻ ông Nguyễn Ngọc Q). Huyện T thời điểm đó có bản đồ xanh thể hiện hiện trạng của Thôn B trong đó có sự tồn tại của ngõ đi chung và lỗng nước chảy này. Đến khi ông Nguyễn Văn T (em trai ông Nguyễn Ngọc Q) và ông Q xảy ra mâu thuẫn vào khoảng năm 2014, ông T bán đất cho ông Tăng Văn T thì đường thoát nước của ngõ lúc này bị chặn lại. Các hộ dân ở ngõ A trước kia vẫn thoát nước thải qua lỗng rồi chảy xuống ao của nhà Cụ K (hiện tại là phần đất vườn sau nhà ông Q). Việc hiện nay các hộ dân ngõ A yêu cầu được thoát nước thải qua đất vườn của nhà ông Q rồi xuống ao nhà bà H là phương án tối ưu nhất, cũng là đường thoát nước duy nhất của các hộ. Ngoài ra không còn đường thoát nước nào khác. Việc ông Q cho rằng các hộ dân ngõ A có thể làm đường thoát nước ngược lên qua đê xuống ngõ Bến Cầu xuống ao Vạn là không hợp lý vì như vậy đường rãnh thoát nước rất dài và không thể chảy ngược từ thấp lên cao được.

Tòa án đã đến gia đình anh Tăng Văn Đ tại địa chỉ: Ngõ A, Thôn B, xã Y, thành phố Bắc Giang để lấy lời khai của anh Đ về việc các đồng nguyên đơn đề nghị được thoát nước thải xuống diện tích ao mà gia đình anh đang quản lý, sử dụng nhưng không tiến hành lấy lời khai của anh Đ được vì anh Đ luôn trong tình trạng say rượu.

*Theo Biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2018, người làm chứng - ông Nguyễn Khắc Đ, nguyên trưởng Thôn B trình bày:*

Từ xa xưa nguồn gốc các ao ở Thôn B là của các cá nhân. Sau đó khi vào hợp tác xã thì các cá nhân đưa ao vào hợp tác xã đến khi hợp tác xã giải thể thì ao thuộc quyền quản lý của thôn, việc quản lý này không có văn bản của xã hay của huyện. Năm 2004, chính quyền thôn có họp và thống nhất sẽ bán lâu dài diện tích ao của thôn cho các hộ gia đình để lấy kinh phí xây dựng nhà trẻ cho thôn. Việc này được ghi lại trong nghị quyết của thôn và các đoàn thể. Sau khi có nghị quyết thì thôn có tổ chức họp toàn dân để lấy ý kiến, sau khi được sự nhất trí của dân thì thôn có làm biên bản để xin ý kiến của xã. Và xã đã nhất trí với chính sách trên của thôn, giao cho thôn trực tiếp làm thủ tục mua bán ao với các hộ dân.

Về chủ trương của thôn là bán ao liền kề với đất cho các hộ dân với mức giá 5.000.000đồng/sào. Đại diện chính quyền thôn và xã là những người trực tiếp tham gia giao dịch mua bán với các hộ dân do đại diện hộ gia đình ra ký kết (không nhất thiết phải chủ hộ). Văn bản thể hiện việc mua bán ao giữa hộ gia đình và thôn chỉ có biên bản bàn giao ao.

Lịch sử từ trước đến nay thì Thôn B có 7 ngõ, các ngõ đều có hệ thống thoát nước thải về ao ở cuối ngõ. Sau khi nước thải chảy xuống ao ở cuối ngõ khi trời mưa to chảy ra ruộng rồi chảy ra mương của thôn, nếu trời không mưa to thì nước thải vẫn đọng ở ao. Cũng có một số ao thì nằm liền kề mương và không phải chảy qua ruộng nữa.

Diện tích ao mà hiện nay ông Nguyễn Ngọc Q đã lấp trước kia nguồn gốc là ao thầu của thôn, thôn thu tiền hàng năm để lấy quỹ hoạt động cho Hội cựu chiến binh. Hiện nay, diện tích ao này là do xã quản lý. Theo quan điểm của ông thì ông Nguyễn Ngọc Q phải có trách nhiệm trả lại đường thoát nước thải cho các hộ dân ngõ A. Diện tích ao của nhà ông Q bây giờ không được thôn bán lâu dài như các hộ khác (nhà bà H) nên ông Q không có quyền lấp đất làm mất đường thoát nước của ngõ.

*Theo Biên bản làm việc ngày 21/3/2018, người làm chứng - ông Nguyễn Tiến M, nguyên trưởng Thôn B cung cấp:*

Ông được bổ nhiệm giữ chức Trưởng Thôn B từ cuối năm 2009 đến năm 2014.

Ngày 16/3/2013, ông có soạn thảo Giấy chứng nhận chuyển đổi ruộng canh tác với nội dung: căn cứ trên nghị quyết nhân dân và nghị quyết chi bộ, thôn chuyển đổi ruộng canh tác của gia đình ông Nguyễn Ngọc Q ở xứ đồng Đồng Găng cạnh nghĩa trang nhân dân của thôn để làm đường đi vào nghĩa trang. Cụ thể: diện tích ruộng gốc của nhà ông Q là 16 thước = 01 sào và 01 thước trong đó 01 sào =  $360\text{ m}^2$ , 01 thước =  $24\text{ m}^2$ . Ông Q đổi diện tích ruộng nói trên ở xứ đồng Đồng Găng lấy 10 thước ao đầu thầu gần nhà (ao liền kề với đất ở nhà ông Q hiện nay) + 03 thước tại nghĩa trang nhân dân + 15 thước ao đầu thầu của hội nông dân (ao này cách xa ao đầu thầu gần nhà ông Q).

Về giá trị quy đổi ruộng: 16 thước ruộng mà ông Q đổi cho thôn thì thuộc quyền quản lý, sử dụng của thôn. Đối với diện tích ruộng ở các vị trí thôn đã thỏa thuận đổi cho nhà ông Q thì trường hợp nhà nước thu hồi thì nhà ông Q được đền bù đối với diện tích này như trường hợp đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của nhà ông Q.

*Quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang có tranh chấp. Theo Biên bản xem xét, thẩm*



*định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/11/2017 đối với rãnh thoát nước ngõ A, cho thấy:*

- Hiện nay trên diện tích rãnh thoát nước đang có tranh chấp vẫn tồn tại 02 đoạn tường bao do gia đình bị đơn (ông Nguyễn Ngọc Q) xây dựng với số đo cụ thể là: diện tích tường rào xây 220mm là 16,2 m<sup>2</sup> và diện tích tường rào xây 110mm là 18,6 m<sup>2</sup>, với tổng giá trị là 8.680.000 đồng.

- Diện tích rãnh thoát nước có tranh chấp là 9,29 m<sup>2</sup> với giá trị là 4.189.000 đồng.

- Các thành viên của Hội đồng và những người tham gia phiên xem xét, thẩm định tại chỗ đều cho rằng: rãnh thoát nước thải của ngõ A với diện tích (chiều dài, chiều rộng) và đường nước chảy (điểm đầu là cổng nhà ông Q, chạy dọc theo chiều dài đất nhà ông Q tiếp giáp đất nhà ông T, điểm cuối là ao nhà bà H) theo yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là đường thoát nước duy nhất và phù hợp nhất với thực tế tại ngõ A hiện nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 02/ 8/2018 của Tòa án thành phố Bắc Giang xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải dành một lối thoát nước với diện tích 9,29m<sup>2</sup> (có giá trị 4.189.000 đồng) nằm trong diện tích 498,1 m<sup>2</sup> của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được UBND Huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 ngày 10/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Q. Lối thoát nước có số đo từng đoạn là: AB = 3,7m; BC = 0,3m; CD = 3,4m; DE = 13m; EF = 9,15m; FG = 5,4m; GH = 0,3m; HI = 5,4m; IJ = 8,85m; JA = 13m. Điểm đầu của lối thoát nước từ cổng nhà ông Q, chạy dọc theo phần đất giáp ranh giữa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên anh Tăng Văn T, điểm cuối là ao tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị H và vợ chồng chị Trần Thị N, anh Tăng Văn Đ đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Tại Bản án số 98/2014/DSPT ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án thành phố Bắc Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi thụ lý lại vụ án, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

*Các đồng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày:* Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc gia đình ông Nguyễn Ngọc Q phải dành một lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ diện tích 9,29m<sup>2</sup> theo chiều rộng, chiều dài, điểm đầu và điểm cuối, kích thước các đoạn như đơn khởi kiện và như kết quả đã thẩm định. Cụ thể điểm đầu của lối thoát nước từ cổng nhà ông Q chạy dọc theo phần đất giáp ranh giữa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên anh Thăng, điểm cuối là ao tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị H và vợ chồng chị Trần Thị N, anh Tăng Văn Đ đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng. Ngoài ra không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Các nguyên đơn xác định diện tích lối thoát nước là diện tích chung của cả ngõ, không phải diện tích đất của gia đình ông Q do vậy nếu buộc ông Q dành lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ, các nguyên đơn không đồng ý trả tiền cho ông Q vì đất này không phải của gia đình ông Q.

Ông Q cho rằng trên đất các nguyên đơn buộc ông Q phải dành lối thoát nước tường gạch cao khoảng 1,6m, nếu làm đường thoát nước sẽ ảnh hưởng đến

công trình nhà ông Q là không đúng bởi thực tế trên trên lối thoát nước chỉ có bờ tường rào, trong đó có một đoạn dài khoảng 02m gia đình ông Q có lợp vài tấm Proximăng để che cổng, ngoài ra không có tài sản công trình kiên cố gì khác. Việc ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không ai được biết. Các nguyên đơn đề nghị ông Q phải tháo dỡ tường xây để trả lại rãnh thoát nước cho các hộ dân tại ngõ A vì tường nhà ông Q xây lấn hoàn toàn vào lối thoát nước chung của ngõ. Trước khi ông Q xây bức tường này đã họp ngõ có sự tham gia của ông Q, các nguyên đơn đề nghị ông Q xây thụt bức tường vào để dành diện tích lối thoát nước là 30cm cho các hộ trong ngõ nhưng ông Q không đồng ý vẫn tiến hành xây và nói là xây vào đất của ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó các nguyên đơn mới biết gia đình ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do thương lượng không được, ông Q vẫn cố tình xây tường trên rãnh thoát nước và lấp đất kín rãnh thoát nước nên mới khởi kiện.

Các nguyên đơn khẳng định lối thoát nước các nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Q phải dành là lối thoát nước duy nhất, ngoài lối thoát nước này thì không còn lối thoát nước nào khác. Trường hợp nếu mở lối thoát nước qua đất nhà ông T thì không thể làm được vì diện tích đất nhà ông T đã xây tường đổ giằng móng bao quanh (xây tường móng công trình phụ) kiên cố. Mặt khác, do gia đình ông Q xây tường vào rãnh thoát nước chung, không phải đất của ông Q nên các nguyên đơn mới khởi kiện còn nếu là đất của ông Q thì các nguyên đơn không có ý kiến, tranh chấp gì.

Về các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn vẫn giữ nguyên như đã trình bày, cung cấp trong quá trình Tòa án đã xét xử trước đó, không cung cấp bổ sung gì thêm..

*Nguyên đơn là ông Tăng Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tăng Văn T do ông Tăng Văn T đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:* Diện tích đất của ông Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng cho ông vào khoảng năm 2015 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn T (là con trai ông). Anh Nguyễn Văn Thiện vẫn chung sống cùng một nhà, cùng sổ hộ khẩu với ông.

Thời điểm năm 2015 khi gia đình ông mua đất của ông T thì gia đình ông T đã mở một rãnh thoát nước rất nhỏ sát tường nhà ông Q. Sau khi mua đất nhà ông T do nước chảy qua rãnh bị tràn nên đã làm đổ bức tường ông T xây trước đó vì vậy gia đình ông có sửa chữa lại để nước của ngõ thoát theo rãnh đến cuối tường nhà ông Q thì bị tắc ở đó; rãnh thoát nước gia đình ông sửa chữa để nước của ngõ chảy qua có chiều rộng khoảng 10cm, xây cao khoảng 50cm. Hiện nay nước thải của các hộ dân trong ngõ vẫn chảy qua rãnh nước gia đình ông bỏ ra nêu trên. Hiện nay trên thửa đất số 98 không có công trình gì chỉ có chân móng tường đã xây kiên cố. Nhà ông Q hiện nay không đi qua ngõ A mà mở lối đi khác.

*Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:* Ông không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn vì lịch sử từ trước đến nay không có rãnh thoát nước chung nào như các đồng nguyên đơn khởi kiện. Rãnh thoát nước thải của các hộ dân trong ngõ từ trước đến nay vẫn chảy xuống vườn nhà ông T, sau đó chảy xuống ao nhà bà H. Rãnh thoát nước chung của các hộ trong ngõ không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông. Các hộ dân trong ngõ có thể mở rãnh thoát nước khác không phải đi qua nhà ai, cụ thể:

+ Cách thứ nhất: Các hộ dân có thể mở rãnh thoát nước chảy ra đê sau đó chảy thẳng ra sông mà không phải qua hộ gia đình nào và thực tế trong thôn đã có khoảng 30 hộ dân làm rãnh thoát nước chảy thẳng ra đê.

+ Cách thứ hai: Các hộ dân trong ngõ cũng có thể mở đường ống thoát nước theo đường cũ nhà ông K theo sườn tường cũ nhà ông T xuống sườn giáp nhà N – Đ.

Trường hợp nếu phải dành một lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ theo chiều rộng, chiều dài, điểm đầu và điểm cuối, kích thước các đoạn như các đồng nguyên đơn khởi kiện thì sẽ ảnh hưởng đến công trình của gia đình ông vì trên rãnh thoát nước có móng tường nhà ở và móng tường sân của gia đình ông. Trường hợp nếu có căn cứ buộc gia đình ông dành lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ và các hộ dân trong ngõ trả tiền cho gia đình ông thì gia đình ông không đồng ý nhận tiền vì thực tế các nguyên đơn có thể bỏ đất của mình ra đê làm rãnh thoát nước của gia đình mình. Hiện nay các hộ dân trong ngõ vẫn đổ nước thải qua rãnh nước đổ vào vườn nhà ông T (nay đã bán cho nhà ông T) và chảy tràn vào đất ở của gia đình ông làm đổ tường.

Về các căn cứ chứng minh vẫn giữ nguyên như đã trình bày, cung cấp trong quá trình Tòa án đã xét xử, không cung cấp thêm căn cứ, chứng cứ, giấy tờ gì khác.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình là bà Tăng Thị H trình bày:* Bà H giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên tòa, Tòa án đã giải quyết, xét xử trước đó, không có ý kiến trình bày bổ sung gì. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa trước đó bà có trình bày ý kiến vì tình làng, nghĩa xóm tôi đồng ý cho các hộ dân ngõ A thoát nước thải xuống diện tích ao của gia đình nhưng đến nay do ao đang bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe của bà, việc lắp hệ thống cống rãnh qua ao không làm được nên bà không đồng ý cho nước thải của các hộ dân chảy xuống ao của gia đình. Trường hợp nhà ông Q đồng ý dành lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ bà cũng không đồng ý cho các hộ thoát nước thải trực tiếp xuống ao của bà/

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình là Nguyễn Văn T trình bày:* Anh thống nhất với ý kiến, quan điểm của ông Nguyễn Ngọc Q. Anh giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết tại cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm trước đó và không bổ sung gì thêm.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị L, chị Trần Thị N, anh Tăng Văn Đ đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến làm việc, không có văn bản ý kiến.*

*Ủy ban nhân dân Huyện T, Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Giang, Ủy ban nhân dân xã Y giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại quá trình tham gia tố tụng trước đó.*

Ngày 18/6/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của của các đồng nguyên đơn, kết quả như sau:

\*Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Rãnh thoát nước các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải dành làm lối thoát nước thải cho các hộ dân trong ngõ có diện tích 9,29m<sup>2</sup> với kích thước chiều dài, chiều rộng, điểm đầu và điểm cuối, kích thước các đoạn như kết quả thẩm định ngày 27/11/2017. Chiều rộng rãnh thoát nước yêu cầu là 30cm, điểm

đầu của rãnh thoát nước là từ cổng nhà ông Q đến hết sân nhà ông Q sau đó chạy dọc phần tường rào cuối đất nhà ông T đến điểm cuối là ao nhà bà H, chị N, anh Đ. Các nguyên đơn xác định hiện trạng rãnh thoát nước giữ nguyên, không thay đổi gì so với thời điểm thẩm định ngày 27/11/2017 và ngày 07/5/2015.

- Hiện trạng hiện nay đang có 01 rãnh thoát nước có chiều rộng 14cm, chiều dài 13,9m chảy bên phần đất nhà ông T, điểm đầu từ mép cổng nhà ông Q kéo dài đến hết sân nhà ông Q (phía giáp với đất nhà ông T), trên rãnh thoát nước không có công trình, tài sản gì. Theo ông T trình bày đây là rãnh thoát nước ông T sửa lại để nước của ngõ thoát từ mép cổng nhà ông Q đến cuối tường nhà ông Q khi ông T mua đất nhà ông T, rãnh thoát nước này nằm hoàn toàn trên phần đất nhà ông T. .

- Rãnh thoát nước hiện đang chảy trên phần đất nhà ông T không có công trình gì chỉ có chân móng tường xây cao 03m, rộng 44cm của nhà ông T.

- Hướng thoát nước các nguyên đơn yêu cầu là hướng thoát nước duy nhất.

- Về lối thoát nước thì đây không phải là lối thoát nước duy nhất vì các hộ dân vẫn có thể đặt ống thoát nước nổi treo trên móng tường nhà ông T.

- Nếu mở lối thoát nước có chiều rộng là 30cm theo yêu cầu của các nguyên đơn thì sẽ phạm vào tường và công trình xây của nhà ông Q cao 1,6m, dài 14m, móng rộng khoảng 30cm, phần phạm là đoạn tường rào dài 5,8m, cao 2,8m trên mái lợp tôn tường 22cm và đoạn tường rào dài 8,1m, cao 1,6m, dày 11m.

\* Kết quả định giá:

1. Tường rào xây gạch chỉ bề dày 11mm (nhà ông Q) diện tích 12,96 m<sup>2</sup>, đơn giá mới xây dựng 350.000đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị hiện tại là 3.996.000 đồng.

2. Tường xây gạch bề dày 220mm (nhà ông Q) diện tích 16,24m<sup>2</sup>, đơn giá mới xây dựng 470.000 đồng/m<sup>2</sup>, giá trị tài sản hiện tại của công trình tường gạch 220mm là 6.564.000đồng.

3. Đất ở nông thôn, xã Trung du, khu vực 2, vị trí 3 diện tích 9,29m<sup>2</sup> x 450.000đồng/m<sup>2</sup> = 4.189.000đồng, giá chuyển nhượng tại địa phương 600.000đồng/m<sup>2</sup> x 9,29m<sup>2</sup> = 5.574.000đồng.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Giang đã xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về quyền thoát nước qua bất động sản liền kề với ông Nguyễn Ngọc Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm: Ông Tăng Văn T, ông Trần Văn Đ, anh Tăng Văn N, anh Giáp Văn M, ông Tăng Văn C về việc buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải dành lối thoát nước chung cho ngõ A với chiều dài khoảng 30m, chiều rộng là 30cm, tổng diện tích là 9,29m<sup>2</sup>.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý tiền chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2019 các ông Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Giáp Văn M, anh Tăng Văn N và anh Tăng Văn C làm đơn kháng cáo, không đồng ý với Quyết định của Tòa án sơ thẩm ( ông T, ông T, anh N, anh C nộp tiền tạm ứng án phí ngày 17/9/2019 ).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng nguyên đơn là ông C, ông T, anh N và bà Toàn đại diện ủy quyền cho ông Đường không rút đơn khởi kiện và không rút

kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đồng nguyên đơn trình bày: Về rãnh thoát nước chung có từ năm 1945, từ trước nước thải của ngõ A đều thoát ra cuối ngõ và chảy ra ao; ông Q được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không ai được biết, các ông bà đều đề nghị ông Q phải phải tháo dỡ bức tường xây để trả lại rãnh thoát nước chung cho các hộ ở ngõ A.

Ông Q trình bày: Từ trước đến nay không có rãnh thoát nước nào chảy qua nhà ông, nước thải của các hộ trong ngõ A vẫn đổ ra thửa 98 của nhà ông T và tràn xuống ruộng sau đó chảy ra ao, ông T là người lấp rãnh nước ngay cổng nhà ông; theo bản đồ xanh năm 1978 đến nay không thể hiện có rãnh thoát nước và năm 2001 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không thể hiện có rãnh thoát nước; đất của ông T hiện nay đã chuyển nhượng cho ông T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T là con của ông T, từ trước đó nước thải của các hộ trong ngõ A vẫn chảy qua thửa 98 và chảy tràn xuống ruộng rồi chảy ra ao do ông T đầu thầu. Do vậy ông không đồng ý với các yêu cầu của đồng nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn; vì các nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ pháp lý. Các nguyên đơn không có bất cứ tài liệu nào chứng minh có sự tồn tại rãnh thoát nước chảy qua đất nhà ông Q, trong diện tích đất cấp cho nhà ông Q không có rãnh thoát nước chung. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự không có ý kiến gì. Hiện tại đang có rãnh thoát nước chảy qua phần đất nhà ông T, gia đình ông T có đất nên các hộ dân có quyền mở lối thoát nước. Khi ông Q xây tường các nguyên đơn không yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; Đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Tăng Văn T, ông Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, anh Tăng Văn N, anh Giáp Văn M, ông Tăng Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Về án phí: Anh C, anh N, ông T, ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Xét kháng cáo thì thấy:

Theo lời khai của các đương sự và tài liệu thu thập được thể hiện: Các đồng nguyên đơn gồm: Ông Tăng Văn T, ông Giáp Văn M, ông Trần Văn Đ, anh Tăng Văn N, ông Tăng Văn C là các hộ dân sinh sống trong Ngõ X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ngõ A nằm ở vị trí tiếp giáp và thấp hơn mặt đê bao khoảng 02m. Tại ngõ A hiện nay vẫn tồn tại một ngõ đi chung nối liền từ mặt đê bao đến cổng nhà ông Nguyễn Ngọc Q. Bên cạnh ngõ đi chung có một rãnh thoát

nước chảy dọc theo ngõ đến cổng nhà ông Q. Các hộ dân sinh sống tại ngõ A cũng như các hộ dân sinh sống tại các ngõ còn lại của Thôn B đều thoát nước thải sinh hoạt qua hệ thống rãnh thoát nước chung bên cạnh ngõ đi và chạy dài từ đầu ngõ đến điểm cuối là ao ở vị trí cuối ngõ.

Gia đình ông Nguyễn Ngọc Q có tổng diện tích 498,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 99 tờ bản đồ 12 có địa chỉ tại Thôn B, xã Y, Huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01964 QSD/1013/QĐ-CT ngày 10/12/2001. Theo tờ bản đồ địa chính số 12, Thôn B, xã Y, Huyện T do đạc năm 2001 và tờ bản đồ số 12, Thôn B, xã Y, thành phố Bắc Giang do đạc chỉnh lý năm 2013 thửa đất số 99 mà ông Nguyễn Ngọc Q và gia đình đang sinh sống nằm ở vị trí cuối cùng của ngõ.

Các đồng nguyên đơn cho rằng gia đình ông Q phải dành lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ vì rãnh thoát nước này là thuộc phần đất chung của ngõ, không phải diện tích đất nhà ông Q nhưng các đồng nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong tổng diện tích đất của gia đình ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả phần rãnh thoát nước chung của ngõ. Tòa án đã tiến hành thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông Q, thu thập bản đồ xanh được lập trước năm 1980 thể hiện hiện trạng đất ở Thôn B, xã Y, thành phố Bắc Giang tại Trung tâm, công nghệ thông tin – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang nhưng không thu thập được vì không còn lưu trữ. Theo bản đồ địa chính năm 2001 thì không có rãnh thoát nước chung của ngõ nằm giữa phần đất nhà ông Nguyễn Ngọc Q và ông Tăng Văn T- anh Tăng Văn T. Do vậy chưa có đủ cơ sở xác định phần rãnh thoát nước thải của ngõ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông Q.

Các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Q phải dành lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ vì đây là lối thoát nước duy nhất thì thấy: Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2017; kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2019, lời khai của ông Tăng Văn T, bà Đoàn Thị T, ông Giáp Văn C; văn bản trình bày quan điểm của UBND xã Y; lời khai của ông Phạm Văn M – trưởng Thôn B thấy rằng: Việc các hộ dân sinh sống tại ngõ A chỉ có đường thoát nước duy nhất và phù hợp nhất là qua hệ thống thoát nước được tiếp nối với phần rãnh thoát nước hiện có bên cạnh ngõ đi chung với chiều dài khoảng 30m, chiều rộng 30cm, điểm đầu là cổng nhà ông Nguyễn Ngọc Q, chạy dọc theo phần đất ở của nhà ông Q tiếp giáp với phần đất ở tại thửa số 98 trước kia của nhà ông Nguyễn Ngọc T và nay là của anh Tăng Văn T (con trai ông Tăng Văn T), điểm cuối là ao của xã tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị H và vợ chồng chị Trần Thị N, anh Tăng Văn Đ đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng. Hiện trạng sát tường nhà ông Q có một rãnh thoát nước rộng khoảng 14cm, dài 13,9m, xây cao khoảng 50cm và hiện nước thải của các hộ dân trong ngõ A vẫn đang chảy qua rãnh thoát nước này. Rãnh thoát nước này trước đó do gia đình ông T mở, sau khi ông T mua đất của ông T ông T có sửa chữa lại để nước của ngõ thoát theo rãnh đến cuối tường nhà ông Q, rãnh thoát nước được mở trên phần đất nhà ông T chạy dọc theo phần đất ở của nhà ông Q. Trên phần đất các nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Q dành làm lối thoát nước gia đình ông Q đã xây tường bao kiên cố. Gia đình

ông Q ở cuối ngõ nhưng hiện tại không đi ngõ A mà đi lối khác. Diện tích đất của gia đình ông T, anh Tthuộc thửa 98 tờ bản đồ 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này nằm tiếp giáp với diện tích đất của gia đình ông Q, trên đất vẫn bỏ không, chưa có công trình kiên cố gì ngoài chân móng tường xây cao 03m, rộng 44cm.

Như vậy, việc thoát nước thải của các hộ dân trong ngõ A trong đó có gia đình ông Tăng Văn T không bắt buộc phải đi qua thửa đất của gia đình ông Q mà vẫn thoát được ra hệ thống ao của thôn vì các hộ dân trong ngõ và gia đình ông T có thể mở lối thoát nước thải trên phần đất của gia đình ông T – tiếp giáp chạy dọc theo phần đất nhà ông Q (sau đó thoát được ra hệ thống ao của thôn) hiện vẫn bỏ không mà không ảnh hưởng gì đến kết cấu công trình trên phần đất nhà ông T.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên thấy việc các đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn dành lối thoát nước thải cho các hộ dân trong ngõ A là không phù hợp với quy định tại Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên không được chấp nhận.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T, ông Đ, ông T, ông M, anh N và anh C. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của ông T, ông Đ, ông T, ông M, anh N và anh C. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về quyền thoát nước qua bất động sản liền kề với ông Nguyễn Ngọc Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm: Ông Tăng Văn T, ông Trần Văn Đ, anh Tăng Văn N, anh Giáp Văn M, ông Tăng Văn C về việc buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải dành lối thoát nước chung cho ngõ A với chiều dài khoảng 30m, chiều rộng là 30cm, tổng diện tích là 9,29m<sup>2</sup>.

Về chi phí tố tụng: Các ông Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Tăng Văn N, Giáp Văn M, Tăng Văn C, Nguyễn Văn T chịu 6.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận các ông Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Tăng Văn N, Giáp Văn M, Tăng Văn C, Nguyễn Văn T đã thực hiện xong nghĩa vụ này theo Biên bản giao nhận các ngày 20/4/2015, ngày 15/11/2017 và ngày 24/7/2019.

3. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tăng Văn C, ông Trần Văn Đ. Hoàn trả ông Tăng Văn C số tiền 200.000 đồng, ông Trần Văn Đ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001315, số

AA/2010/003700 cùng ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

- Ông Tăng Văn T phải chịu 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đồng theo biên lai số AA/2014/0001311 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

.- Anh Giáp Văn M phải chịu 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đồng theo biên lai số AA/2014/0001312 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

- Anh Tăng Văn N phải chịu 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đồng theo biên lai số AA/2014/0001313 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

.- Hoàn trả ông Nguyễn Văn T số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001314 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tăng Văn T, ông Nguyễn Văn T, anh Tăng Văn N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm ( xác nhận các ông T, ông T, anh N, anh C đã nộp đủ án phí DSPT theo các biên lai số: 0001110, 0001108 và 0001109 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bắc Giang ). Miễn án phí phúc thẩm cho ông C.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Bắc Giang,
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Giang,
- TAND Tp Bắc Giang;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Quyết**